

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27/8/2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly
hôn giữa chị H và anh P”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Phong

Ông Phạm Văn Quang

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 -
Ninh Bình.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình tham gia phiên
tòa:* Bà Nguyễn Thị Là – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - N sơ
thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 09
tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8
năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị H, sinh ngày 03/10/1983 (*vắng mặt*)

Số căn cước công dân: 036183022393 cấp ngày 12/02/2023, Nơi cấp: Cục
trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C;

Nơi cư trú: Khu Y, phường K, tỉnh Bắc Ninh.

Trước đây là khu Y, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Vũ Văn P, sinh ngày 18/10/1979 (*vắng mặt*)

Số căn cước công dân: 036079012423; cấp ngày 08/02/2023, Nơi cấp: Cục
trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C;

Nơi cư trú: Xóm T, xã N, tỉnh Ninh Bình.

Trước đây là Xóm Thắng H1, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2025 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên
đơn chị Đặng Thị H trình bày:* Chị và anh Vũ Văn P đã đăng ký kết hôn tại UBND
xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 18 tháng 9

năm 2001. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, anh P có tính gia trưởng, làm mọi việc theo ý mình và không tôn trọng ý kiến của chị, nếu chị có ý kiến khác thì anh P sẽ nổi khùng với chị rồi anh P vẫn làm theo ý mình. Do hôn nhân không hạnh phúc nên chị và anh P ly thân từ tháng 9 năm 2021 đến nay không đoàn tụ lại, vì vậy chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh Vũ Văn P.

Về con chung, chị và anh P có hai con chung là Vũ Quang H2 sinh năm 2002 đã trưởng thành, lao động tự lập được; cháu Vũ Đức H3 sinh ngày 25/10/2010 đang ở cùng chị từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi cháu H3, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con cho chị. Về tài sản, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, chị H vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 16 tháng 7 năm 2025, bị đơn anh Vũ Văn P trình bày: Anh và chị Đặng Thị H có quá trình kết hôn đúng như chị H trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị H bán tài sản của vợ chồng lấy tiền mua nhà mang tên bố đẻ. Khi xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không quan tâm nhau và đã ly thân từ tháng 9 năm 2021 đến nay không nín kéo gì với nhau nữa. Nay chị H xin ly hôn, anh nhất trí ly hôn.

Về con chung, vợ chồng có hai con chung có nội dung đúng như chị H trình bày. Anh đề nghị khi ly hôn, anh được trực tiếp nuôi cả hai con chung, không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con cho anh vì anh đang lái xe bê tông cho công ty cổ phần T, có thu nhập trung bình mỗi tháng 10.000.000 đồng.

Về tài sản: Anh và chị H có tài sản chung là cổ phần của vợ chồng đóng góp vào công ty TNHH V do anh Đặng Văn Q là anh vợ đứng tên, anh và chị H có góp cổ phần vào công ty là 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu đồng); 01 xe bơm nhãn hiệu AXIA biển kiểm soát: 51E-03593 và 01 xe ô tô con biển kiểm soát: 18A-14099. Về các tài sản này do anh chưa cung cấp được tài liệu, chứng cứ cho Toà án để chứng minh về tài sản chung nên anh đề nghị Toà án cho anh thời hạn là 15 ngày (kể từ ngày viết bản tự khai, ngày 16/7/2025) anh sẽ có trách nhiệm đến làm việc với Toà án về việc khởi kiện chia tài sản chung khi ly hôn.

Đến bản tự khai ngày 23 tháng 7 năm 2025, bị đơn anh Vũ Văn P trình bày: Quan điểm của anh là thuận tình ly hôn. Về con chung, anh cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Vũ Đức H3 cho chị H nuôi dưỡng mỗi tháng là 100.000 (một trăm nghìn) đồng vì anh làm có thu nhập một tháng là 3.000.000 đồng trong khi anh còn nuôi bản thân và mẹ già. Về tài sản, anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, anh P vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên ngày 14 tháng 7 năm 2025, cháu Vũ Đức H3 trình bày, nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng mẹ.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án tại UBND xã N thể hiện: Chị Đặng Thị H và anh Vũ Văn P có đăng ký kết hôn, con chung có nội dung đúng như các đương

sự trình bày. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của chị H và anh P thì UBND xã không nắm được vì các đương sự nộp đơn trực tiếp tại Tòa án, UBND xã không tổ chức hòa giải cơ sở.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân, xử cho ly hôn giữa chị Đặng Thị H và anh Vũ Văn P. Về con chung, giao cho chị Đặng Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là cháu Vũ Đức H3 sinh ngày 25/10/2010. Anh Vũ Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh Vũ Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn, không ai được cản trở quyền này. Về án phí: Chị Đặng Thị H phải nộp án phí ly hôn, anh Vũ Văn P phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đặng Thị H và bị đơn anh Vũ Văn P vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về việc kết hôn: Chị Đặng Thị H và anh Vũ Văn P đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 18 tháng 9 năm 2001. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Về hôn nhân: Quá trình chung sống, giữa chị H và anh P bất đồng quan điểm, tính cách không hợp, mặt khác theo anh P trình bày vợ chồng có mâu thuẫn về kinh tế. Cả hai bên đều thừa nhận vợ chồng đã ly thân từ tháng 9 năm 2021 đến nay không đoàn tụ lại chứng tỏ cả hai bên không còn tha thiết xây dựng hạnh phúc chung. Nay chị H xin ly hôn, anh P nhất trí. Do đó, cuộc hôn nhân giữa chị H và anh P nếu có duy trì thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị H đối với anh Vũ Văn P.

[4] Về nuôi con chung: Chị H và anh P có hai con chung là Vũ Quang H2, sinh ngày 15/10/2002 và Vũ Đức H3, sinh ngày 25/10/2010. Hiện nay, Vũ Quang H2 đã trưởng thành, lao động tự lập được, còn Vũ Đức H3 đang ở với chị H từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Căn cứ vào ý kiến của đương sự cũng nguyện vọng

của con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy để đảm bảo sự phát triển ổn định toàn diện của con chung, cần giao cho chị Đặng Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Vũ Đức H3. Anh Vũ Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng, kể từ tháng 8 năm 2025 đến khi con chung trưởng thành, tự lập được là phù hợp quy định tại Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Vũ Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn, không ai được cản trở quyền này.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Đặng Thị H và anh Vũ Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Đặng Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, anh Vũ Văn P phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị H và anh Vũ Văn P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Đặng Thị H và anh Vũ Văn P.

2. Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là cháu Vũ Đức H3 sinh ngày 25/10/2010. Anh Vũ Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đặng Thị H hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng, kể từ tháng 8 năm 2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự lập. Anh Vũ Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn, không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000đ chị H đã nộp theo biên lai thu số 0000014 ngày 09/7/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Anh Vũ Văn P phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị H và anh Vũ Văn P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND khu vực 9 – Ninh Bình: 02 bản;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
- UBND xã N: 01 bản;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mạnh Cường